

### 1. KHUNG MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì II khi kết thúc nội dung: Bài 36. Động vật.*
- **Thời gian làm bài:** *60 phút.*
- **Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*
- **Cấu trúc:**
  - *Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
  - *Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 16 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*
  - *Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*
  - *Nội dung nửa đầu học kì II: 100% (10 điểm)*

## 2. MA TRẬN ĐỀ

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
<i>1. Nguyên sinh vật (3 tiết)</i>		2	1						1	2	
		<b>0,5</b>	<b>1</b>						<b>1</b>	<b>0,5</b>	<b>1,5</b>
<i>2. Nấm (4 tiết)</i>		4			1				1	4	
		<b>1</b>			<b>1</b>				<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
<i>3. Thực vật (6 tiết)</i>		2	1		1				2	2	
		<b>0,5</b>	<b>2</b>		<b>1</b>				<b>3</b>	<b>0,5</b>	<b>3,5</b>
<i>4. Động vật (7 tiết)</i>		8					1		1	8	
		<b>2</b>					<b>1</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<b>Số câu/số ý</b>									5	16	10,00
<b>Điểm số</b>									<b>6,0</b>	<b>4,0</b>	<b>10</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>4,0 điểm</b>		<b>3,0 điểm</b>		<b>2,0 điểm</b>		<b>1,0 điểm</b>		<b>10 điểm</b>		<b>10 điểm</b>

### 3. BẢN ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
<b>1. Nguyên sinh vật (3 tiết)</b>				<b>2</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đa dạng nguyên sinh vật.</li> <li>- Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.</li> </ul>	<b>Nhận biết</b>	- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).		1		C1
		- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.		1		C2
		- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.		<b>2</b>		C1 C2
	<b>Thông hiểu</b>	- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.	<b>1</b>			C17
	<b>Vận dụng bậc thấp</b>	- Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.				
<b>2. Nấm (4 tiết)</b>				<b>4</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đa dạng nấm.</li> <li>- Vai trò của nấm.</li> </ul>	<b>Nhận biết</b>	- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.		1		C3
		- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.		3		C4 C5 C6
	<b>Thông</b>	- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
- Một số bệnh do nấm gây ra.	<b>hiểu</b>	tiền (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.				
	<b>Vận dụng bậc cao</b>	- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.			1	C19
<b>3. Thực vật (6 tiết)</b>				<b>2</b>		
- Sự đa dạng. - Thực hành.	<b>Nhận biết</b>	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		2		C7 C8
	<b>Thông hiểu</b>	- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).	<b>1</b>			C18
	<b>Vận dụng</b>	Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.				C18
<b>4. Động vật (7 tiết)</b>						
- Sự đa dạng. - Thực hành.	<b>Nhận biết</b>	- Nhận biết được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.  - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một		<b>8</b>		C9 C10 C11 C12 C13

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		<p>số con vật điển hình.</p> <p>- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.</p>				<p>C14</p> <p>C15</p> <p>C16</p>
	<b>Thông hiểu</b>	- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.				
	<b>Vận dụng bậc cao</b>	- Nêu được biện pháp phòng tránh bệnh do động vật gây nên.	<b>1</b>			C19

**A. TRẮC NGHIỆM (4 đ)**

*Em hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau rồi ghi vào giấy kiểm tra.*

**Câu 1.** Nhóm nào sau đây gồm toàn thực vật sống dưới nước?

- A. Cây nong tằm, cây bèo  
B. Cây ổi, cây mít  
C. Cây đước, cây xà cừ  
D. Cây xương rồng, cây rong

**Câu 2.** Động vật nào sau đây thuộc lớp Cá?

- A. Cá voi  
B. Cá sấu  
C. Cá heo  
D. Cá chép

**Câu 3.** Đại diện nào sau đây thuộc thực vật không mạch?

- A. Cây thông  
B. Cây dương xỉ  
C. Cây rêu  
D. Cây cam

**Câu 4.** Ngành thực vật nào dưới đây có đặc điểm có mạch, có hạt, không có hoa?

- A. Rêu  
B. Dương xỉ  
C. Hạt trần  
D. Hạt kín

**Câu 5.** Ở những vùng bờ biển người ta trồng cây ở phía ngoài để nhằm mục đích là:

- A. Chống gió bão  
B. Chống rửa trôi đất  
C. Chống xói mòn đất  
D. Tất cả đáp án A, B, C đều đúng

**Câu 6.** Trong số những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành hạt kín là:

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu  
B. Cây nhãn, cây hoa li, cây bèo tấm, cây vụn tuế  
C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa  
D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây rau muống

**Câu 7.** Trong số các tác hại sau, tác hại nào không phải do nấm gây ra?

- A. Gây bệnh nấm da ở động vật.  
B. Gây bệnh viêm gan B ở người  
C. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng  
D. Gây ngộ độc thực phẩm ở người

**Câu 8.** Loại nấm nào dưới đây được sử dụng để làm dược liệu?

- A. Nấm men, nấm mốc  
B. Nấm hương, nấm sò  
C. Nấm rơm, nấm kim châm  
D. Nấm linh chi, đông trùng hạ thảo

**Câu 9.** Đặc điểm: “hô hấp bằng mang, di chuyển bằng vây” là của lớp động vật nào?

- A. Lớp cá  
B. Lớp lưỡng cư  
C. Lớp bò sát  
D. Lớp chim

**Câu 10.** Những đại diện nào sau đây thuộc ngành chân khớp?

- A. Sứa, hải quỳ, san hô  
B. Giun đất, rươi, đĩa  
C. Cá chép, ếch đồng, thằn lằn  
D. Châu chấu, nhện, tôm sông
- Câu 11.** Bộ phận nào dưới đây chỉ xuất hiện ở ngành hạt kín mà không xuất hiện ở các ngành khác?

- A. Rễ                      B. Thân                      C. Lá                      D. Hoa

**Câu 12.** Đa dạng sinh học trong tự nhiên có vai trò:

- A. Làm tăng số lượng các loài sinh vật có ích  
B. Làm giảm số lượng các loài sinh vật có hại  
C. Duy trì và ổn định sự sống cho con người  
D. Duy trì và ổn định sự sống của tất cả sinh vật trên Trái Đất

**Câu 13.** Cho chuỗi thức ăn: Cây cỏ → ..... → Gà → Cáo

Sinh vật nào sau đây phù hợp nhất để điền vào chỗ chấm trong chuỗi thức ăn trên?

- A. Châu chấu              B. Trâu                      C. Sư tử                      D. Mèo

**Câu 14.** Hành động nào sau đây góp phần bảo vệ đa dạng sinh học?

- A. Tích cực trồng và bảo vệ rừng  
B. Nghiêm cấm săn bắt động vật hoang dã  
C. Có ý thức bảo vệ môi trường hạn chế sự ô nhiễm  
D. Tất cả các hành động trên

**Câu 15.** Loài nào dưới đây thuộc lớp Bò sát?

- A. Muỗi                      B. Rắn                      C. Cá heo                      D. Hươu cao cổ

**Câu 16.** Nhóm Động vật có xương sống bao gồm:

- A. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, giun dẹp  
B. Cá, chân khớp, giun dẹp, giun tròn  
C. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú  
D. Ruột khoang, thân mềm, lưỡng cư, bò sát

**B. TỰ LUẬN (6 đ)**

**Câu 17 (2 đ)** Vẽ sơ đồ phân chia các nhóm thực vật?

**Câu 18 (3 đ)** Trình bày vai trò của động vật đối với tự nhiên và đời sống con người?

**Câu 19 (1 đ)** Nêu một số biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở người?

*Chúc các em làm bài thật tốt!*

**A. TRẮC NGHIỆM (4 đ)**

*Em hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau rồi ghi vào giấy kiểm tra.*

**Câu 1.** Sự đa dạng của thực vật được thể hiện ở những đặc điểm nào?

- A. Số lượng loài  
B. Môi trường sống  
C. Kích thước  
D. Cả 3 đáp án A, B, C đúng

**Câu 2.** Giới thực vật được chia thành 2 nhóm lớn là:

- A. Thực vật dưới nước và thực vật trên cạn  
B. Thực vật một năm và thực vật lâu năm  
C. Thực vật không có hạt và thực vật có hạt  
D. Thực vật không có mạch và thực vật có mạch

**Câu 3.** Cơ quan sinh sản của cây rêu là:

- A. Túi bào tử  
B. Nón  
C. Hoa  
D. Cả A, B, C đúng

**Câu 4.** Những đại diện nào sau đây thuộc lớp giun tròn?

- A. Thủy tức, sứa, hải quỳ  
B. Sán lá gan, sán dây  
C. Giun kim, giun đũa  
D. Tôm, ve, châu chấu

**Câu 5.** Hệ rễ của thực vật, đặc biệt là thực vật rừng có vai trò gì?

- A. Giúp giữ đất, chống xói mòn  
B. Hạn chế ngập lụt, hạn hán  
C. Bảo vệ nguồn nước ngầm  
D. Điều hòa khí hậu

**Câu 6.** Việc dưới đây mà con người cần làm để bảo vệ đa dạng thực vật là:

- A. Tham gia trồng cây gây rừng  
B. Tăng cường sử dụng và khai thác cây rừng  
C. Chặt phá để lấy gỗ sản xuất  
D. Tất cả các việc trên đều đúng

**Câu 7.** Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là:

- A. Hình thái đa dạng  
B. Có xương sống  
C. Kích thước cơ thể lớn  
D. Sống lâu

**Câu 8.** Dựa vào cấu trúc cơ quan tạo bào tử, nấm được chia thành mấy nhóm chính?

- A. 1  
B. 2  
C. 3  
D. 4

**Câu 9.** Những bệnh nào dưới đây do nguyên sinh vật gây ra?

- A. Lang ben, hắc bào  
B. Bệnh sốt rét, kiết lị  
C. Bệnh viêm gan B, thủy đậu  
D. Đậu mùa, cúm



**Câu 10.** Đặc điểm: “hô hấp bằng phổi, có vảy sừng che phủ” là của lớp động vật nào?

**A.** Lớp cá                    **B.** Lớp lưỡng cư                    **C.** Lớp bò sát                    **D.** Lớp chim

**Câu 11.** Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách?

**A.** Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO<sub>2</sub>

**B.** Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO<sub>2</sub> và O<sub>2</sub>

**C.** Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O<sub>2</sub>

**D.** Giảm bụi và vi sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO<sub>2</sub>

**Câu 12.** Vì sao nói hạt kín là ngành có ưu thế lớn nhất trong các ngành thực vật?

**A.** Vì chúng có hệ mạch

**B.** Vì chúng có hạt nằm trong quả

**C.** Vì chúng sống trên cạn

**D.** Vì chúng có rễ thật

**Câu 13.** Đặc điểm: cơ thể có lông mao, đẻ con và nuôi con bằng sữa do tuyến vú tiết ra là của lớp động vật nào?

**A.** Lớp Cá

**B.** Lớp Chim

**C.** Lớp Thú

**D.** Cả A, B, C

**Câu 14.** Cho chuỗi thức ăn: Cây lúa → Chuột → Rắn → Diều hâu → Vi sinh vật  
Số mắt xích trong chuỗi thức ăn trên là?

**A.** 3

**B.** 4

**C.** 5

**D.** 6

**Câu 15.** Đặc điểm nào dưới đây là của động vật có vú (Thú)?

**A.** Phần phụ phân đốt

**B.** Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên

**C.** Hô hấp bằng mang

**D.** Đẻ con và nuôi con bằng sữa tiết ra từ tuyến vú

**Câu 16.** Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

**A.** Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ôi, cây rêu

**B.** Cây buri, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa

**C.** Cây nhãn, cây hoa li, cây bèo tấm, cây rêu

**D.** Cây thông, cây rêu, cây hoa hồng, cây rau muống

**B. TỰ LUẬN (6 đ)**

**Câu 17 (2 đ)** Vẽ sơ đồ phân chia nhóm động vật?

**Câu 18 (3 đ)** Trình bày vai trò của thực vật đối với môi trường và con người?

**Câu 19 (1 đ)** Nêu biện pháp phòng tránh các bệnh giun, sán kí sinh ở người?

*Chúc các em làm bài thật tốt!*

**ĐỀ SỐ 01**

**A. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)**

Câu	1 -A	2-D	3-C	4-C	5-A	6-C	7-B	8-D
Câu	9-A	10-D	11-D	12-D	13-A	14-D	15-B	16-C

**B. TỰ LUẬN**

Câu	NỘI DUNG	Điểm
<b>Câu 17</b>	Vẽ đúng sơ đồ phân chia các nhóm thực vật	<b>2đ</b>
<b>Câu 18</b>	<p>- Vai trò của thực vật với môi trường và con người:</p> <p><b>-Đối với môi trường:</b></p> <p>+Thực vật giúp điều hòa khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường</p> <p>+ Hạn chế hiện tượng lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất.</p> <p>+ Bảo vệ và giữ mạch nước ngầm.</p> <p>- Đối với con người:</p> <p>+ Cung cấp khí oxi cho con người, tạo bầu không khí trong lành, giảm tình trạng ô nhiễm môi trường.</p> <p>+ Cung cấp lương thực, thực phẩm</p> <p>+ Cung cấp nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp.</p> <p>+ Cung cấp dược liệu, làm cảnh, ...</p>	<p><b>1,5</b></p> <p><b>1,5</b></p>
<b>Câu 19</b>	<p>- <b>Hạn chế tiếp xúc</b> với nấm bệnh, nguồn bệnh, đặc biệt nơi môi trường ẩm mốc;</p> <p>- <b>Bảo hộ an toàn</b> khi tiếp xúc với người bị nhiễm nấm hoặc khử trùng sau khi tiếp xúc với môi trường không an toàn với nấm mốc;</p> <p>- <b>Không dùng chung đồ</b> với người bị nấm mốc, hoặc với người khác. Quần áo sau mặc cần giặt ngay, tránh treo trên giá vài ngày sau đó mặc lại;</p> <p>- <b>Vệ sinh cơ thể</b> đúng cách, đúng thời điểm, an toàn;</p> <p>- <b>Vệ sinh môi trường</b> sạch sẽ.</p>	<p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>

## ĐỀ SỐ 02

### A. TRẮC NGHIỆM ( mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1 -D	2-D	3-A	4-C	5- A	6-A	7-B	8-C
Câu	9-B	10- B	11-B	12-B	13-C	14- C	15- D	16- B

### B.TỰ LUẬN:

Câu	NỘI DUNG	Điểm
Câu 17	Vẽ đúng sơ đồ	2đ
Câu 18	<p>- Vai trò của thực vật với môi trường và con người:</p> <p><b>-Đối với môi trường:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+Thực vật giúp điều hòa khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường</li><li>+ Hạn chế hiện tượng lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất.</li><li>+ Bảo vệ và giữ mạch nước ngầm.</li></ul> <p style="text-align: center;">- Đối với con người:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Cung cấp khí oxi cho con người, tạo bầu không khí trong lành, giảm tình trạng ô nhiễm môi trường.</li><li>+ Cung cấp lương thực, thực phẩm</li><li>+ Cung cấp nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp.</li><li>+ Cung cấp dược liệu, làm cảnh, ...</li></ul>	<b>1,5</b>          <b>1,5</b>
Câu 19	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cắt đứt nguồn nhiễm, điều trị người nhiễm, tẩy giun định kỳ.</li><li>- Giữ vệ sinh cá nhân, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, thường xuyên tắm rửa, cắt móng tay,...</li><li>- Thực hiện ăn chín, uống sôi, chế biến hợp vệ sinh. Không sử dụng thịt lợn ốm để chế biến thực phẩm. Không ăn tiết canh, thịt tái, các loại gỏi cá, nem chua sống, đối với các loại rau sống cần phải ngâm rửa kỹ trước khi ăn.</li><li>- Vệ sinh môi trường.</li></ul>	<b>0,25</b>  <b>0,25</b>      <b>0,25</b>    <b>0,25</b>

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TỔ TRƯỞNG**

**NGƯỜI RA ĐỀ**

**Đỗ Thị Nhất**

**Hoàng Mỹ Trinh**

**Nguyễn Thị Hoà**